

Đơn vị: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH LẠNG SƠN

Chương: 412

**CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH GIẢM, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày /11/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm, bổ sung	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp	Chi cục Kiểm Lâm	Chi cục Thủy Lợi	Chi cục Phát triển nông thôn	Chi cục QLCL Nông lâm sản và thủy sản	Chi cục Chăn nuôi và Thú Y	Trung tâm Khuyến nông	Trung tâm nước sạch và VSMTNT	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Ban QLR đặc dụng Mẫu Sơn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>A</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>-1.677</b>	<b>-1.677</b>	<b>-86</b>	<b>958</b>	<b>616</b>	<b>-60</b>	<b>-46</b>	<b>-275</b>	<b>-11</b>	<b>-2.800</b>	<b>141</b>	<b>-114</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>-1.677</b>	<b>-1.677</b>	<b>-86</b>	<b>958</b>	<b>616</b>	<b>-60</b>	<b>-46</b>	<b>-275</b>	<b>-11</b>	<b>-2.800</b>	<b>141</b>	<b>-114</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>-382</b>	<b>-382</b>	<b>-86</b>	<b>-242</b>	<b>30</b>	<b>-60</b>	<b>-24</b>					
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	61	61	61									
-	Kinh phí tiền lương chênh lệch thiếu của Giám đốc Sở mới bổ nhiệm	10	10	10									
-	Kinh phí tiền lương chênh lệch thiếu của Công chức mới tuyển dụng	51	51	51									
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-443	-443	-147	-242	30	-60	-24					
-	Kinh phí mua trang thiết bị làm việc cho Giám đốc Sở mới bổ nhiệm	55	55	55									
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	48	48	48									
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị làm việc cho Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi mới được bổ nhiệm	30	30			30							
-	Kinh phí Xây dựng Hệ thống nền tảng phục vụ sản xuất nông nghiệp thông minh	-250	-250	-250									
-	Kinh phí xây dựng Hệ thống thông tin OCOP và nông đặc sản của tỉnh	-60	-60				-60						
-	Kinh phí Xây dựng phần mềm quản lý cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm và kết quả thanh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	-24	-24					-24					
-	Kinh phí trang phục ngành Kiểm lâm	-78	-78		-78								
-	Kinh phí tập huấn sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ	-106	-106		-106								
-	Kinh phí chi hoạt động cho lực lượng xử phạt vi phạm hành chính theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013	-58	-58		-58								
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>-1.295</b>	<b>-1.295</b>		<b>1.200</b>	<b>586</b>		<b>-22</b>	<b>-275</b>	<b>-11</b>	<b>-2.800</b>	<b>141</b>	<b>-114</b>

Số TT	Nội dung	Tổng số điều chỉnh giảm, bổ sung	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp	Chi cục Kiểm Lâm	Chi cục Thủy Lợi	Chi cục Phát triển nông thôn	Chi cục QLCL Nông lâm sản và thủy sản	Chi cục Chăn nuôi và Thú Y	Trung tâm Khuyến nông	Trung tâm nước sạch và VSMTNT	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Ban QLR đặc dụng Mẫu Sơn
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0										
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-1.295	-1.295		1.200	586		-22	-275	-11	-2.800	141	-114
-	<i>Kinh phí Điều tra, khảo sát xác định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm, cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn</i>	1.143	1.143		1.143								
-	<i>Kinh phí thực hiện Dự án trồng Đào cảnh quan và phát triển Đào thương phẩm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 31/10/2018</i>	57	57		57								
-	<i>Kinh phí thanh quyết toán công trình Sửa chữa, nâng cấp hồ Khuổi Quạt, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn</i>	626	626			626							
-	<i>Sửa chữa hồ Nặm Lìn, xã Tân Văn, huyện Bình Gia và hồ Pò Rái, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn</i>	141	141									141	
-	<i>Kinh phí Phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm</i>	-275	-275						-275				
-	<i>Kinh phí hoạt động kiểm tra, giám sát thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm, nông, lâm, thủy sản theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh</i>	-22	-22					-22					
-	<i>Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh</i>	-11	-11							-11			
-	<i>Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh</i>	-2.800	-2.800								-2.800		
-	<i>Mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại các thôn bản vùng đệm rừng đặc dụng Mẫu Sơn</i>	-114	-114										-114
-	<i>Đào tạo tập huấn chuyên môn</i>	-40	-40			-40							